TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/2024/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Đăng T, sinh năm 1993. Địa chỉ; Bản Kim Ch a, xã Ph, Kh, huyện Y Ch, tỉnh Sơn La.

- Chị Trần Thị Bảo Khánh L, sinh năm 1997. Địa chỉ; Thôn Đ, K, xã Ch, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Đăng T và chị Trần Thị Bảo Khánh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2016 do hai bên tự tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 29/11/2016.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì sảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính cách không hợp nhau hay bất đồng quan điểm sống thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ghi ngờ tình cảm của

nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không T. Đến năm 2022 anh chị đã sống ly thân. Nay anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh T và chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị L.

[2] Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung; Thống nhất thỏa thuận; Sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Bùi Đăng Khôi, sinh ngày 19/9/2017 cho đến khi cháu trưởng T (đủ 18 tuổi). Chị L nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho cháu Khôi là 5.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu trưởng T (đủ tuổi 18 tuổi). Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa T niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị L đều xác nhận không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị L đều xác nhận không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện nhận chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 17 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng T và chị Trần Thị Bảo Khánh L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung; Thống nhất thỏa thuận; Sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Bùi Đăng Khôi, sinh ngày 19/9/2017 cho đến khi cháu trưởng T (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị L nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho cháu Khôi là 5.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu trưởng T (đủ tuổi 18 tuổi và có khả năng lao động). Thời gian cấp

dưỡng được tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu trưởng T (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở chị L thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Đăng T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002017 ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh